TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Đỗ Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 28-02-2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-5-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn H, nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Đội x, Phân trại y, Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20-02-2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T bày: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn ngày 11-01-2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với gia đình anh H tại tổ dân phố T, phường H. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do H nghiện chất ma túy đã nhiều năm, mặc cho chị và gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng anh H vẫn không từ bỏ được nên nhiều lần đánh chửi chị vô cớ, chính quyền địa phương phải đến can ngăn, giải quyết thì anh H mới dừng lại. Anh H đã có hành vi vi phạm

pháp luật bị Tòa án xử phạt 06 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X, huyện T. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm và kinh tế. Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Vũ Văn H1, sinh ngày 16-8-2008 và Vũ Diệu L, sinh ngày 19-10-2010. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Vũ Văn H trình bày: Anh thống nhất về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, cũng như nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đúng như chị T đã trình bày. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm và kinh tế. Nay, chị T có đơn ly hôn, anh cũng xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Vũ Văn H1, sinh ngày 16-8-2008 và Vũ Diệu L, sinh ngày 19-10-2010. Ly hôn, anh đề nghị giao hai con chung là H1 và L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Về hôn nhân, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn anh H; về con chung, giao 02 con chung là Vũ Văn H1 và Vũ Diệu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Vũ Văn H tại Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn. Bị đơn là anh H có nơi cư trú tại tổ dân phố T, phường H, quận Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về viêc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị T và anh H thống nhất trình bày: Anh chị xây dựng hạnh phúc trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 11-01-2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do H nghiện chất ma túy đã nhiều năm, mặc cho chị T và gia đình nhiều lần kHên giải nhưng anh H vẫn không từ bỏ được nên nhiều lần đánh chửi chị vô cớ, chính quyền địa phương phải đến can ngăn, giải quyết. Hiện nay, anh H đang chấp hành án 06 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy tại Trại giam X. Chị T và anh H đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được thuận tình ly hôn.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh H tại chính quyền địa phương, thể hiện: Trong thời gian chung sống, chị T và anh H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh H ham chơi theo bạn bè, nghiện sử dụng chất ma túy, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Chính quyền địa phương đã nhiều lần đến giải quyết mâu thuẫn tình cảm cho anh chị.

[5] Xét thấy, chị T và anh H đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được cần căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[6] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Vũ Văn H1, sinh ngày 16-8-2008 và Vũ Diệu L, sinh ngày 19-10-2010. Anh chị thống nhất đề nghị giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau; để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, nguyện vọng của con cũng như thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn giữa anh chị nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con chung Vũ Văn H1 và Vũ Diệu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung là Vũ Văn H1, sinh ngày 16-8-2008 và Vũ Diệu L, sinh ngày 19-10-2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa

án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi chị T và anh H có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006940 ngày 28-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Đương sự;
- UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Quyết **Đỗ Thị Viện** **Nguyễn Thanh Tùng**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Quyết **Trần Thế Sự** **Nguyễn Thanh Tùng**